TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ LỘC** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7-2017.
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Sỹ Định.

2. Bà Cái Diệu Trang.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thể, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2017, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20/6/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Kim N, sinh năm 1995. Địa chỉ: Đội X, Tổ dân phố ĐD, thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Minh T, sinh năm 1995. Địa chỉ: Đội X, Tổ dân phố ĐD, thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 21/02/2017 và các lời khai trình bày có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Huỳnh Thị Kim N trình bày như sau: Nguyên đơn và anh Lê Minh T tìm hiểu yêu thương nhau và tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 16/6/2016. Sau khi cưới được ba ngày thì mẹ anh T đuổi chị N ra khỏi nhà, từ đó thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nên

vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh T nghe lời cha, mẹ, có tình cảm với người phụ nữ khác. Từ khi chị N mang thai cho đến khi sinh con thì anh T không có trách nhiệm gì với mẹ con chị N; từ tháng 6/2016 đến nay chị N và anh T sống ly thân. Nay chị N xác định tình cảm không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Minh T.

Về con chung: Chị Huỳnh Thị Kim N trình bày vợ chồng có 01 người con chung tên là Lê Thiên P, sinh ngày 28/11/2016. Chị N yêu cầu giao cháu P cho chị chăm sóc nuôi dưỡng và yêu cầu anh Lê Minh T cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Huỳnh Thị Kim N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị Huỳnh Thị Kim N đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản sao giấy chứng minh nhân dân của chị N; trích lục kết hôn (bản sao); bản sao sổ hộ khẩu gia đình, bản giao giấy khai sinh cháu Lê Thiên P.

Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc đã thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn là anh Lê Minh T, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh T đều vắng mặt.

Ngày 11/7/2017, Tòa án mở phiên tòa đưa vụ án ra xét xử nhưng anh T vắng mặt lần thứ nhất. Tòa án đã ra Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa ngày 31/7/2017; đồng thời thực hiện thủ tục niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay (31/7/2017), anh T vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, kể từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Đối với Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại các điều 28, 35 và Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự; thu thập chứng cứ bảo đảm đúng quy định; thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp và tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự đảm bảo; về thời hạn chuẩn bị xét xử bảo đảm đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thủ tục, trình tự xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự; vắng mặt trong các lần hòa giải tại Tòa án, làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án.

Về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đối với quan hệ hôn nhân, chị Huỳnh Thị Kim N và anh Lê Minh T kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 16/6/2016 tại UBND thị trấn L. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, anh T có lời lẽ xúc phạm chị N và gia đình. Sau khi kết hôn được 03 ngày thì mẹ anh T đuổi chị N về nhà, nên từ tháng 6/2016 vợ chồng sống ly thân đến nay, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Kim N. Đối với con chung, vợ chồng chị N, anh T có một người con chung Lê Thiên P sinh ngày 28/11/2016, chị N yêu cầu giao cháu P cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng và buộc anh Lê Minh T phải cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/1tháng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung. Từ những lập luận trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, để tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Kim N. Về con chung, đề nghị giao cháu Lê Thiên P cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và buộc anh Lê Minh T phải cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/1tháng. Về tài sản chung, nợ chung, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử buộc các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Đối với việc xét xử vắng mặt bị đơn là anh Lê Minh T, Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án đã thực hiện tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho anh Lê Minh T thông qua người thân trong gia đình của anh T. Tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 11/7/2017, anh T vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và thực hiện việc niêm yết công khai Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay (31/7/2017), bị đơn anh Lê Minh T vẫn vắng mặt và không có yêu cầu phản tố, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Kim N và anh Lê Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký vào ngày 16/6/2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xem xét về quá trình hôn nhân giữa chị N và anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình sống chung, giữa chị N và anh T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không tôn trọng nhau, không quan tâm, chăm sóc cho nhau, chị N, anh T đã

sống ly thân từ tháng 6/2016 đến nay. Xét thấy, chị N và anh T đã vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Kim N.

[3] Về con chung: Chị Huỳnh Thị Kim N và anh Lê Minh T có 01 người con chung là Lê Thiên P, sinh ngày 28/11/2016. Chị N có nguyện vọng được nuôi cháu P. Xét thấy, hiện nay cháu P còn nhỏ (chưa đủ 36 tháng tuổi) và đang ở với chị N, nên cần giao cháu P cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng: Xét thấy, việc cấp dưỡng nuôi con chung là nghĩa vụ của người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay chị Huỳnh Thị Kim N không có công việc và thu nhập ổn định. Chị N có yêu cầu anh Lê Minh T phải cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.000.000 đồng/1 tháng. Hội đồng xét xử xét thấy mức cấp dưỡng này không thấp hơn 1/2 mức lương cơ sở (theo Nghị quyết số: 27/2016/QH14 của Quốc hội ngày 11/11/2016 mức lương cơ sở từ 01/7/2017 là 1,3 triệu đồng/tháng) và phù hợp với mức sống tại địa bàn đô thị nơi chị N cư trú. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị N, buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Lê Thiên P đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Huỳnh Thị Kim N không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; anh Lê Minh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con có định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim N; chị Huỳnh Thị Kim N được ly hôn anh Lê Minh T.

2. Về nuôi con: Giao cháu Lê Thiên P, sinh ngày 28/11/2016 cho chị Huỳnh Thị Kim N chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Anh Lê Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Anh Lê Minh T được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật và người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải chịu thêm lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm thi hành trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Huỳnh Thị Kim N không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27; tiểu mục 1.1 khoản 1 mục I phần A danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Chị Huỳnh Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/001474, ngày 21/02/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lộc. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con có định kỳ.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- Đương sự;
- UBND thị trấn L;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Ngọc Tú